

Thứ năm, ngày 8 tháng 2 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Tâm lý dè dặt

Dự đoán xu hướng thị trường

|                   | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|-------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 9/2/2018     |          | •         |          |
| Tuần 5/2-9/2/2018 |          | •         |          |
| Tháng 1/2018      |          | •         |          |

## Điểm nhấn

- Thị trường giảm điểm mạnh khi mở cửa, dù có nhịp hồi về đã tăng nhưng sự giảm điểm của các cổ phiếu trụ cột cùng với tâm lý dè chừng của nhà đầu tư đã khiến thị trường giảm điểm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BID (+1.25 điểm), MSN (+0.85 điểm), BVH (+0.52 điểm), HDB (+0.38 điểm) và HPG (+0.11 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-4.2 điểm), VIC (-1.93 điểm), SAB (-1.83 điểm), CTG (-1.7 điểm) và VNM (-1.7 điểm).
- Với thông tin giá dầu thế giới tiếp tục sụt giảm mạnh, các cổ phiếu nhóm Dầu khí đồng loạt sụt giảm khá sâu. Ngân hàng (ngoại trừ HDB và BID) và Bất động sản cũng là các nhân tố kéo thị trường giảm điểm
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,591 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 16.36 điểm. Trạng thái thị trường tiêu cực với 106 mã tăng/181 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 17.3 điểm, đóng cửa tại 1,023.25 điểm. Cùng với đó, HNX-Index giảm 2.68 điểm xuống 116.94 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 466.44 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HDB (198.7 tỷ), VIC (53.4 tỷ), DXG (42.1 tỷ). Bên cạnh đó, họ mua ròng 6.3 tỷ trên sàn HNX.

## Nhận định thị trường

Thị trường hôm nay phản ánh khá rõ nét tâm lý của nhà đầu tư. Thanh khoản suy yếu đã cho thấy sự dè dặt và lo sợ sự điều chỉnh của thị trường. Cũng chính vì lý do đó khiến thị trường mất đi lực đỡ và sụt giảm sâu vào cuối phiên giao dịch. Bộ đôi HAG và HNG tiếp tục bị đẩy xuống mức giá sàn khi mà một số thông tin cho thấy hai mã này có khả năng bị hủy niêm yết. BSC nhận định thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn khi mà sắp tới chưa có nhiều thông tin tích cực bổ sung cho thị trường. Nhà đầu tư nên cẩn thận trong phiên giao dịch ngày mai khi mà tâm lý lo ngại bán ra tiếp tục đè nặng thị trường. Bên cạnh đó, phiên thứ 6 cũng là phiên t+3 của phiên sụt giảm sâu nhất, điều này có thể phần nào khiến áp lực bán tiếp tục gia tăng. Sau đó kỳ nghỉ Tết cũng sẽ phần nào hạ nhiệt thị trường, nhiều khả năng thị trường sẽ quay lại trạng thái tích lũy và chờ đợi những thông tin tích cực từ báo cáo KQKD quý I và họp ĐHCĐ

## Cổ phiếu nổi bật: NT2 - Quan sát thêm

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

## BSC RESEARCH

## Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

## Nhóm Vĩ mô &amp; Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX 1023.25

Giá trị: 3590.73 tỷ -17.3 (-1.66%)

Khối ngoại (ròng): 466.44 tỷ

HNX-INDEX 116.94

Giá trị: 626.98 tỷ -2.68 (-2.24%)

Khối ngoại (ròng): 6.3 tỷ

UPCOM-INDEX 56.46

Giá trị: 187.8 tỷ -0.3 (-0.53%)

Khối ngoại(ròng): 8.94 tỷ

## Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 61.4    | -0.60% |
| Giá vàng           | 1,310   | -0.61% |
| Tỷ giá USD/VND     | 22,695  | -0.02% |
| Tỷ giá EUR/VND     | 27,802  | -0.27% |
| Tỷ giá JPY/VND     | 20,700  | -0.30% |
| LS liên NH 1 tháng | 4.3%    | -      |
| LS TPCP 5 năm      | 3.5%    | -      |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| HDB     | 198.70  | NVL     | 24.20   |
| VIC     | 53.40   | HSG     | 19.20   |
| DXG     | 42.10   | DIG     | 9.70    |
| HPG     | 34.60   | VRE     | 77.50   |
| MSN     | 33.00   | VJC     | 5.50    |

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

**Nguyễn Tuấn Anh**

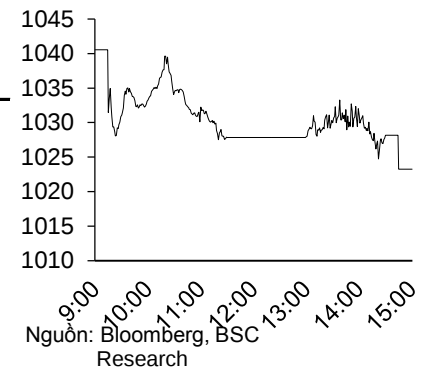
anhnt@bsc.com.vn

## Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                            |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|------------------------------------|
| NT2 | 0.2                 | 32.0             | 31             | 37               | MUA        | Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm |
| MSN | 1.8                 | 85.0             | 79             | 98               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá ngắn hạn                  |
| PLX | 1.6                 | 77.1             | 77             | 96               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá ngắn hạn                  |
| BMP | 0.9                 | 82.2             | 75             | 92               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá trung hạn                 |
| VIC | 3.6                 | 79.0             | 76             | 89               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá ngắn hạn                  |
| BVH | 0.7                 | 73.4             | 69             | 88               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá ngắn hạn                  |
| HCM | 1.3                 | 76.9             | 72             | 86               | BÁN        | Tín hiệu BÁN cùng Thanh khoản giảm |
| NVL | 8.5                 | 80.0             | 78             | 86               | NGỪNG BÁN  | Tăng giá kéo dài                   |
| VCB | 2.4                 | 62.9             | 58             | 72               | NGỪNG BÁN  | Tăng giá kéo dài                   |
| HVN | 3.0                 | 46.6             | 44             | 70               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá ngắn hạn                  |

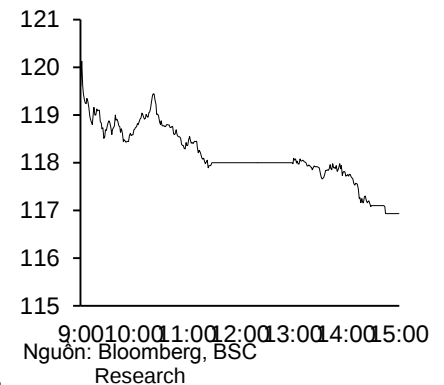
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

## Cổ phiếu nổi bật

Mã chứng khoán: NT2\_Quan sát thêm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng
- Chỉ báo ADX: giảm, vẫn duy trì trên ngưỡng 20
- Chỉ báo MACD: giảm, tiếp cận ngưỡng hỗ trợ
- Chỉ báo RSI: giảm, tiếp cận ngưỡng hỗ trợ

**Nhận định:** Mặc dù trải qua vài phiên điều chỉnh và đang tiếp cận ngưỡng hỗ trợ 31.100, NT2 vẫn trong xu hướng tăng trung hạn. Mặc dù chỉ báo ADX đang có xu hướng giảm, nhưng vẫn duy trì trên ngưỡng 20, kết hợp với chỉ báo MACD cũng đang tiếp cận ngưỡng hỗ trợ, cho thấy khả năng đi ngang và hồi phục xu hướng tăng của đường giá trong thời gian tới. Chỉ báo RSI giảm và tiếp cận ngưỡng hỗ trợ, cho thấy khả năng đi ngang và hồi phục đà tăng giá sau đó. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư quan sát thêm cổ phiếu trước khi xu hướng được xác định rõ ràng

**Khuyến nghị:** Mức giá mua: 31,000 – 32,000 Giá mục tiêu: 36,000. Cắt lỗ: 30,000

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng   | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|--------|--------|--------|
| VN30F1802 | 1004.5 | -1.5%  | -16.2% |
| VN30F1803 | 1013.0 | -1.7%  | -34.7% |
| VN30F1806 | 1039.9 | -1.7%  | -64.3% |
| VN30F1809 | 1065.0 | -2.6%  | -63.0% |

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| MSN | 85  | 2.4       | 1.7      |
| HPG | 60  | 0.3       | 0.4      |
| BID | 32  | 3.2       | 0.3      |
| BVH | 73  | 3.0       | 0.3      |
| SBT | 18  | 2.3       | 0.3      |

Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| GAS | 104 | -5.5      | -1.1     |
| STB | 15  | -5.4      | -2.7     |
| HSG | 23  | -5.4      | -0.5     |
| ROS | 154 | -5.3      | -2.0     |
| CTG | 25  | -4.9      | -0.9     |



## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | SSI | 3/9/2017   | 25.20   | 31.60        | 25.4%          | 23.9    | 27.7     |
| 2                 | FPT | 29/09/2017 | 48.75   | 55.20        | 13.2%          | 46.2    | 55.0     |
| 3                 | REE | 30/10/2017 | 34.45   | 37.50        | 8.9%           | 32.0    | 45.0     |
| 4                 | VIC | 2/5/2018   | 81.10   | 79.00        | -2.6%          | 80.0    | 103.0    |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>15.8%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | MBB | 27/4/2015  | 13.8    | 28.30        | 105.1%         | 20.3    | 24.0     |
| 2                 | HPG | 28/10/2016 | 25.5    | 59.70        | 134.4%         | 36.4    | 44.9     |
| 3                 | VCS | 16/12/2016 | 67.2    | 194.00       | 188.7%         | 62.5    | 80.6     |
| 4                 | CSV | 24/7/2017  | 33.1    | 38.00        | 14.8%          | 30.5    | 39.0     |
| 5                 | SBA | 31/07/2017 | 16.0    | 15.90        | -0.6%          | 14.2    | 19.0     |
| 6                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 76.90        | 83.5%          | 38.0    | 48.0     |
| 7                 | HBC | 15/01/2018 | 48.0    | 37.85        | -21.1%         | 43.0    | 60.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>72.1%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | PVT | 23/06/2016 | 11.1    | 18.0         | 62.2%          | 10.3    | 16.1     |
| 2                 | CTI | 29/07/2017 | 29.7    | 35.0         | 17.8%          | 27.6    | 34.2     |
| 3                 | MWG | 7/8/2017   | 106.5   | 118.7        | 11.5%          | 99.0    | 127.0    |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>30.5%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E   | P/B  | NN sở hữu | ROE   |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|-------|------|-----------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 118.7                   | -1.5%  | 0.5  | 1,689                  | 1.7                        | 7,166        | 16.6  | 6.4  | 49.0%     | 45.3% |
| PNJ | Bán lẻ            | 146.1                   | -1.0%  | 0.9  | 696                    | 1.2                        | 7,061        | 20.7  | 5.8  | 49.0%     | 28.9% |
| BVH | Bảo hiểm          | 73.4                    | 2.9%   | 1.6  | 2,200                  | 0.7                        | 2,246        | 32.7  | 3.6  | 25.0%     | 10.7% |
| PVI | Bảo hiểm          | 36.5                    | -1.4%  | 0.8  | 358                    | 0.1                        | 2,114        | 17.3  | 1.2  | 43.9%     | 9.3%  |
| VIC | Bất động sản      | 79.0                    | -2.5%  | 1.2  | 9,180                  | 3.6                        | 2,373        | 33.3  | 6.2  | 10.3%     | 15.8% |
| VRE | Bất động sản      | 49.0                    | -3.9%  | 1.0  | 4,104                  | 2.3                        | 1,061        | 46.2  | 4.0  | 32.8%     | 17.6% |
| NVL | Bất động sản      | 80.0                    | -0.9%  | 0.7  | 2,265                  | 8.5                        | 3,318        | 24.1  | 4.1  | 5.9%      | 18.7% |
| REE | Bất động sản      | 37.5                    | -2.1%  | 0.9  | 512                    | 1.2                        | 4,441        | 8.4   | 1.4  | 49.0%     | 18.1% |
| DXG | Bất động sản      | 28.5                    | 1.8%   | 1.1  | 380                    | 4.1                        | 2,494        | 11.4  | 2.3  | 38.1%     | 21.3% |
| SSI | Chứng khoán       | 31.6                    | -4.2%  | 1.3  | 696                    | 3.5                        | 2,372        | 13.3  | 1.9  | 52.8%     | 14.9% |
| VCI | Chứng khoán       | 80.0                    | 0.0%   | 0.5  | 423                    | 0.2                        | 5,527        | 14.5  | 6.9  | 39.8%     | 31.9% |
| HCM | Chứng khoán       | 76.9                    | -1.5%  | 1.6  | 439                    | 1.3                        | 4,280        | 18.0  | 3.8  | 60.3%     | 17.8% |
| FPT | Công nghệ         | 55.2                    | -2.5%  | 0.8  | 1,291                  | 4.2                        | 5,128        | 10.8  | 2.6  | 49.0%     | 27.9% |
| FOX | Công nghệ         | 71.1                    | 0.6%   | 0.4  | 472                    | 0.0                        | 5,429        | 13.1  | 3.6  | 0.2%      | 29.4% |
| GAS | Dầu khí           | 104.0                   | -5.5%  | 1.4  | 8,769                  | 3.2                        | 4,916        | 21.2  | 4.8  | 3.4%      | 23.8% |
| PLX | Dầu khí           | 77.1                    | -3.5%  | 1.1  | 3,936                  | 1.6                        | 3,012        | 25.6  | 4.4  | 12.1%     | 17.2% |
| PVS | Dầu khí           | 20.2                    | -9.4%  | 1.7  | 398                    | 8.0                        | 1,793        | 11.3  | 0.8  | 16.1%     | 7.6%  |
| PVD | Dầu khí           | 20.5                    | -6.8%  | 1.6  | 346                    | 3.4                        | 0            | 444.9 | 0.6  | 22.8%     | 0.2%  |
| DHG | Dược              | 95.0                    | 2.0%   | 0.6  | 547                    | 0.8                        | 4,366        | 21.8  | 4.5  | 47.1%     | 20.4% |
| TRA | Dược              | 116.0                   | -0.9%  | 0.0  | 212                    | 0.0                        | 5,811        | 20.0  | 4.7  | 49.0%     | 24.6% |
| DPM | Hóa chất          | 22.5                    | -4.3%  | 0.7  | 388                    | 0.4                        | 1,532        | 14.7  | 1.1  | 22.2%     | 8.7%  |
| DCM | Hóa chất          | 12.1                    | -2.8%  | 0.3  | 281                    | 0.1                        | 1,077        | 11.2  | 1.0  | 3.2%      | 9.6%  |
| VCB | Ngân hàng         | 62.9                    | -0.9%  | 1.7  | 9,969                  | 2.4                        | 2,525        | 24.9  | 4.2  | 20.9%     | 13.7% |
| BID | Ngân hàng         | 32.2                    | 3.2%   | 1.5  | 4,849                  | 2.9                        | 2,019        | 15.9  | 2.5  | 2.8%      | 13.0% |
| CTG | Ngân hàng         | 24.5                    | -4.9%  | 1.4  | 4,019                  | 3.5                        | 1,996        | 12.3  | 1.4  | 30.0%     | 12.0% |
| VPB | Ngân hàng         | 52.0                    | -0.8%  | 1.0  | 3,430                  | 5.3                        | 4,562        | 11.4  | 2.6  | 23.5%     | 25.4% |
| MBB | Ngân hàng         | 28.3                    | -3.1%  | 1.0  | 2,263                  | 2.5                        | 1,404        | 20.2  | 1.8  | 20.0%     | 9.4%  |
| ACB | Ngân hàng         | 39.5                    | -2.9%  | 0.9  | 1,716                  | 3.5                        | 2,148        | 18.4  | 2.4  | 30.0%     | 14.1% |
| BMP | Nhựa              | 82.2                    | -0.7%  | 1.0  | 296                    | 0.9                        | 5,757        | 14.3  | 2.7  | 44.1%     | 18.3% |
| NTP | Nhựa              | 64.8                    | 2.9%   | 0.3  | 255                    | 0.0                        | 5,519        | 11.7  | 2.8  | 23.0%     | 25.1% |
| MSR | Tài nguyên        | 27.5                    | -0.4%  | 0.9  | 872                    | 0.2                        | 153          | 179.7 | 1.7  | 2.1%      | 1.0%  |
| HPG | Thép              | 59.7                    | 0.3%   | 1.0  | 3,989                  | 12.2                       | 5,540        | 10.8  | 3.0  | 41.1%     | 31.5% |
| HSG | Thép              | 23.0                    | -5.4%  | 0.9  | 354                    | 2.8                        | 3,523        | 6.5   | 1.6  | 27.5%     | 28.8% |
| VNM | Tiêu dùng         | 197.1                   | -1.6%  | 0.7  | 12,601                 | 2.0                        | 6,356        | 31.0  | 12.2 | 59.8%     | 40.5% |
| SAB | Tiêu dùng         | 225.0                   | -3.4%  | 0.9  | 6,356                  | 0.7                        | 7,350        | 30.6  | 10.5 | 9.7%      | 38.6% |
| MSN | Tiêu dùng         | 85.0                    | 2.4%   | 1.1  | 3,922                  | 1.8                        | 2,795        | 30.4  | 6.0  | 33.3%     | 20.6% |
| SBT | Tiêu dùng         | 17.5                    | 2.3%   | 0.8  | 429                    | 5.1                        | 1,405        | 12.5  | 1.4  | 9.1%      | 6.4%  |
| ACV | Vận tải           | 92.3                    | 1.4%   | 1.1  | 8,852                  | 0.5                        | 2,208        | 41.8  | 8.3  | 3.5%      | 21.8% |
| VJC | Vận tải           | 184.0                   | -0.1%  | 1.0  | 3,658                  | 3.6                        | 6,233        | 29.5  | 17.1 | 26.6%     | 68.7% |
| HVN | Vận tải           | 46.6                    | -7.7%  | 2.2  | 2,520                  | 3.0                        | 1,685        | 27.7  | 3.6  | 9.1%      | 14.4% |
| GMD | Vận tải           | 38.8                    | -2.9%  | 0.8  | 493                    | 0.8                        | 1,946        | 19.9  | 1.8  | 20.4%     | 8.1%  |
| PVT | Vận tải           | 18.0                    | -1.1%  | 1.1  | 223                    | 0.4                        | 1,500        | 12.0  | 1.4  | 32.1%     | 11.7% |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 194.0                   | -2.9%  | 0.6  | 684                    | 0.3                        | 13,660       | 14.2  | 6.5  | 2.5%      | 58.4% |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 22.9                    | -3.4%  | 0.9  | 452                    | 0.5                        | 1,779        | 12.9  | 1.6  | 36.2%     | 12.4% |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 14.6                    | -0.7%  | 0.7  | 245                    | 0.1                        | 1,238        | 11.8  | 1.1  | 7.1%      | 10.0% |
| CTD | Xây dựng          | 177.0                   | -1.9%  | 0.2  | 610                    | 1.1                        | 20,436       | 8.7   | 1.9  | 45.5%     | 23.2% |
| VCG | Xây dựng          | 21.7                    | -5.7%  | 1.7  | 422                    | 0.9                        | 3,197        | 6.8   | 1.5  | 9.6%      | 23.0% |
| CII | Xây dựng          | 34.0                    | -1.3%  | 0.5  | 369                    | 1.1                        | 6,012        | 5.7   | 1.7  | 69.0%     | 35.8% |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| BID | 32.20 | 3.21 | 1.25     | 2.04MLN   |
| MSN | 85.00 | 2.41 | 0.85     | 471670.00 |
| BVH | 73.40 | 2.95 | 0.52     | 217690.00 |
| HDB | 44.90 | 2.39 | 0.38     | 4.67MLN   |
| HPG | 59.70 | 0.34 | 0.11     | 4.63MLN   |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| GAS | 104.00 | -5.45 | -4.20    | 684310.00 |
| VIC | 79.00  | -2.47 | -1.93    | 1.04MLN   |
| SAB | 225.00 | -3.35 | -1.83    | 67480.00  |
| CTG | 24.50  | -4.85 | -1.70    | 3.17MLN   |
| VNM | 197.10 | -1.60 | -1.70    | 234230.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|------|----------|----------|
| HVX | 4.00  | 6.95 | 0.00     | 100.00   |
| TIE | 8.93  | 6.95 | 0.00     | 200.00   |
| PAC | 40.85 | 6.94 | 0.05     | 51290.00 |
| HU3 | 9.30  | 6.90 | 0.00     | 20.00    |
| NAF | 18.60 | 6.90 | 0.01     | 1060.00  |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|-------|----------|----------|
| NAV | 5.87  | -6.97 | 0.00     | 1280     |
| HNG | 6.70  | -6.94 | -0.14    | 4.36MLN  |
| CDO | 1.21  | -6.92 | 0.00     | 501810   |
| HAG | 6.62  | -6.89 | -0.17    | 21.21MLN |
| LBM | 32.45 | -6.89 | -0.01    | 3910     |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD   |
|-----|-------|-------|----------|--------|
| NTP | 64.80 | 2.86  | 0.06     | 13400  |
| DHT | 66.60 | 6.22  | 0.04     | 50450  |
| VIX | 9.10  | 5.81  | 0.02     | 151450 |
| HHC | 85.00 | 4.81  | 0.02     | 2800   |
| SGC | 64.90 | 10.00 | 0.02     | 100    |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD     |
|-----|--------|-------|----------|----------|
| ACB | 39.50  | -2.95 | -1.01    | 2.08MLN  |
| SHB | 12.00  | -4.00 | -0.56    | 13.50MLN |
| PVS | 20.20  | -9.42 | -0.51    | 8.62MLN  |
| VCG | 21.70  | -5.65 | -0.16    | 915285   |
| VCS | 194.00 | -2.90 | -0.13    | 30023    |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

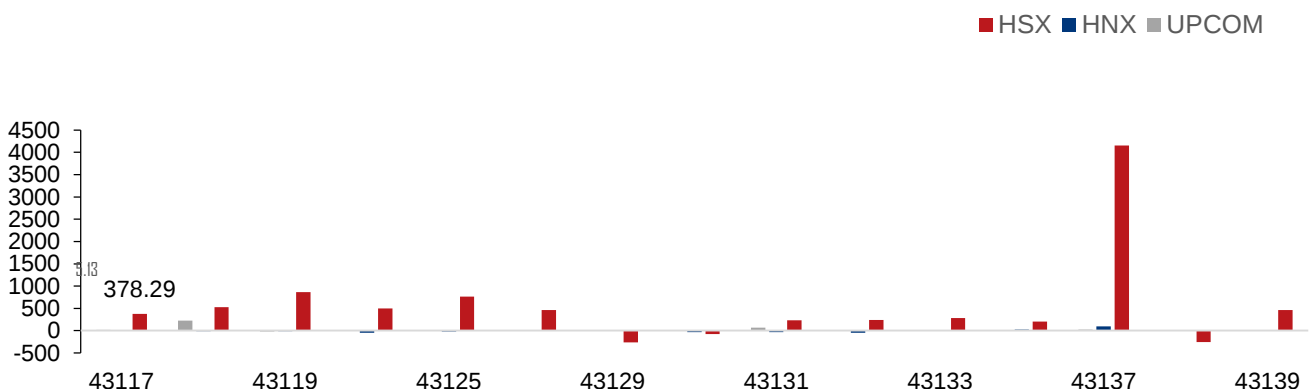
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD |
|-----|-------|-------|----------|------|
| AMC | 22.00 | 10.00 | 0.00     | 3100 |
| MEC | 3.30  | 10.00 | 0.00     | 100  |
| SGC | 64.90 | 10.00 | 0.02     | 100  |
| SGH | 28.60 | 10.00 | 0.01     | 100  |
| VCM | 20.90 | 10.00 | 0.00     | 1400 |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %      | Index pt | KLGD  |
|-----|-------|--------|----------|-------|
| MIM | 13.50 | -10.00 | 0.00     | 100   |
| ONE | 9.10  | -9.90  | 0.00     | 31100 |
| DID | 4.60  | -9.80  | 0.00     | 10100 |
| NHA | 9.30  | -9.71  | -0.01    | 100   |
| KMT | 5.80  | -9.38  | 0.00     | 500   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                 | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018    | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2   | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Sector Outlook_2017_VN          | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | TNG | Dệt may      | Mua         | 15/9/2017       | 13.3                | 18.5         | 13.2         | 2,801  | 4.7  | 0.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | REE | Xây lắp      | Mua         | 3/8/2017        | 38.2                | 19.5         | 37.5         | 4,441  | 8.4  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | HDC | Bất động sản | Mua         | 2/8/2017        | 15.9                | 20.5         | 13.5         | 1,817  | 7.4  | 0.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | NKG | Thép         | Mua         | 26/7/2017       | 31.9                | 21.5         | 35.0         | 6,764  | 5.2  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | PPC | Điện         | Mua         | 26/7/2017       | 21.0                | 22.5         | 19.2         | 5,165  | 3.7  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | HNG | Nông nghiệp  | Mua         | 14/7/2017       | 10.1                | 23.5         | 6.7          | 1,407  | 4.8  | 0.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | RAL | Đồ gia dụng  | Mua         | 14/7/2017       | 136.0               | 24.5         | 137.5        | 18,611 | 7.4  | 2.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PNJ | Trang sức    | Mua         | 22/6/2017       | 96.7                | 25.5         | 146.1        | 7,061  | 20.7 | 5.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | C47 | Xây dựng     | Mua         | 14/6/2017       | 15.0                | 26.5         | 11.2         | 953    | 11.8 | 0.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DRI | Cao su       | Mua         | 13/6/2017       | 12.8                | 27.5         | 10.8         | 296    | 36.5 | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 6/6/2017        | 44.3                | 28.5         | 55.2         | 5,128  | 10.8 | 2.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | HPG | Thép         | Mua         | 6/6/2017        | 28.5                | 29.5         | 59.7         | 5,540  | 10.8 | 3.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 6/6/2017        | 38.7                | 30.5         | 62.9         | 2,525  | 24.9 | 4.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | KSB | Khoáng sản   | Mua         | 6/6/2017        | 53.0                | 31.5         | 38.6         | 5,036  | 7.7  | 2.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | VGC | VLXD         | Mua         | 29/5/2017       | 17.6                | 32.5         | 22.9         | 1,779  | 12.9 | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | PHR | Cao su       | Mua         | 22/5/2017       | 30.5                | 33.5         | 42.9         | 4,122  | 10.4 | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 9/5/2017        | 23.8                | 34.5         | 39.5         | 2,148  | 18.4 | 2.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 9/5/2017        | 12.7                | 35.5         | 18.0         | 1,500  | 12.0 | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | PVI | Bảo hiểm     | Mua         | 25/4/2017       | 29.5                | 36.5         | 36.5         | 2,114  | 17.3 | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 18/4/2017       | 15.2                | 37.5         | 28.3         | 1,404  | 20.2 | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

